

ĐỀ CƯƠNG TRẮC NGHIỆM

ÔN TẬP MÔN TIẾNG VIỆT – LỚP 5

1. Các từ trong nhóm: “Ước mơ, ước muốn, mong ước, khát vọng” có quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Từ đồng âm
- B. Từ nhiều nghĩa
- C. Từ đồng nghĩa
- D. Từ trái nghĩa

2. Chủ ngữ của câu: “Qua khe dậu, ló ra mấy quả ớt đỏ chói.” là gì?

- A. Quả ớt đỏ chói
- B. Mấy quả ớt đỏ chói
- C. Khe dậu
- D. Quả ớt

3. Từ nào dưới đây là quan hệ từ?

- A. Từ "và" trong câu "Bé và cơm rất nhanh".
- B. Từ "hay" trong câu: "Cuốn truyện đó rất hay".
- C. Từ "như" trong câu: "Cô gái ấy có nụ cười tươi tắn như hoa mới nở."
- D. Từ "với" trong câu: Quyển sách để ở chỗ cao quá, chị ấy với không tới.

4. Cặp quan hệ từ nối các vế câu ghép: “Vì cặp mắt của bà đã mờ nên mỗi khi đọc sách báo, bà thường phải đeo kính.” thể hiện quan hệ gì?

- A. Giả thiết, kết quả
- B. Nguyên nhân, kết quả.
- C. Tương phản
- D. Tăng tiến

5. Các vế câu ghép: “Tôi chưa nói hết câu, nó đã ngắt lời.” được nối với nhau bằng cách nào?

- A. Nói trực tiếp bằng dấu câu.
- B. Nói bằng cặp quan hệ từ.
- C. Nói bằng cặp từ hô ứng.
- D. Nói bằng dấu câu và cặp từ hô ứng.

6. Trái nghĩa với từ “căng” trong “bụng căng” là ?

- A. Phê
- B. Nhỏ
- C. Yếu
- D. Lép

7. Từ nào không thuộc nhóm trong những từ: “Chậm, thông thả, từ từ, muộn”?

- A. Chậm B. Thông thả C. Muộn D. Từ từ

8. Tiếng nào dưới đây không ghép được với tiếng “công” để tạo thành từ có nghĩa?

- A. bằng B. dân C. cộng D. lai

9. Loại một từ có chứa tiếng “công” không cùng nghĩa với tiếng “công” trong các từ còn lại: “Công bằng, công minh, công cộng, công lí”.

- A. Công bằng B. Công minh C. Công cộng D. Công lí

10. Trong các từ dưới đây, từ nào có tiếng “quan” có nghĩa là “nhìn, xem”?

- A. Quan sát B. Quan lại C. Lạc quan D. Quan chức

11. Trong trường hợp nào, từ “mũi” mang nghĩa: bộ phận có đầu nhọn, nhô ra phía trước của vật?

- A. Mũi tiền công B. Mũi thuyền C. Mũi quân D. Mũi người

12. Từ nào dưới đây có tiếng “hữu” không có nghĩa là bạn bè?

- A. Chiến hữu B. Hữu nghị C. Bằng hữu D. Hữu dụng

13. Từ đánh trong các từ: đánh cá, đánh đàn, đánh giặc có quan hệ với nhau như thế nào về ý nghĩa?

- A. Từ đồng âm B. Từ nhiều nghĩa
C. Từ đồng nghĩa D. Từ trái nghĩa

14. Quan hệ từ nào sau đây có thể điền vào chỗ trống trong câu: “Tám chăm chỉ hiền lành.....Cám thì lười biếng độc ác.”

- A. còn B. là C. tuy D. dù

15. Bởi chưng bác mẹ tôi nghèo,

 Cho nên tôi phải băm bèo thái khoai.

Câu ca dao trên là câu ghép có quan hệ gì giữa các vế câu?

- A. Quan hệ nguyên nhân - kết quả
B. Quan hệ kết quả - nguyên nhân
C. Quan hệ điều kiện - kết quả

D. Quan hệ tương phản

16. Dòng nào dưới đây gồm các từ đồng nghĩa với từ “tuyệt vời”

- A. tuyệt trần, tuyệt mỹ, tuyệt đối.
- B. tuyệt mỹ, tuyệt diệu, kì lạ
- C. tuyệt diệu, tuyệt trần, tuyệt tác
- D. tuyệt trần, tuyệt diệu, tuyệt đẹp

17. Chủ ngữ trong câu: “ Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi” là những từ ngữ nào?

- A. Phút yên tĩnh
- B. Phút yên tĩnh của rừng ban mai
- C. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần
- D. Phút yên tĩnh của rừng.

18. Dòng nào dưới đây là nhóm từ đồng nghĩa?

- A. Lung linh, long lanh, lóng lánh, lấp loáng, lấp lánh.
- B. Vắng vẻ, hiu hắt, lung linh, vắng teo, vắng ngắt.
- C. Bao la, bát ngát, mênh mông, hiu hắt.
- D. Bát ngát, mênh mông, lấp loáng, hiu hắt, thênh thang.

19. Dòng nào nêu đúng nghĩa của từ “công dân”

- A. Người dân làm việc trong cơ quan nhà nước quyền lợi.
- B. Người dân của một nước có quyền lợi và nghĩa vụ đối với đất nước.
- C. Người lao động chân tay làm công ăn lương.
- D. Tất cả những người đang sống trên đất nước Việt Nam.

20. Từ “cổ” nào dưới đây được dùng với nghĩa chuyển:

- A. Hươu cao cổ
- B. Cổ của em bé
- C. Cổ áo.
- D. Đồ cổ

21. Tiếng “ăn” nào được dùng theo nghĩa gốc?

- A. ăn cưới B. ăn cơm C. da ăn nắng D. ăn ảnh

22. Câu tục ngữ “Chết vinh còn hơn sống nhục”. Cách dùng từ trái nghĩa trong câu trên thể hiện điều gì?

